



Cập nhật: 31/10/2025

KHUYẾN NGHỊ	MUA
Mã chứng khoán	VHC VN
Giá mục tiêu 2026 (VND)	73,000 (+23.9%)
Giá mục tiêu trước (VND)	66,000
Giá cổ phiếu (VND) 31/10/25	58,900
Beta	1.0
Vốn hóa thị trường (tỷ VND)	13,217
Số lượng CP lưu hành (triệu)	224.4
Giá thấp/cao 52 tuần (VND)	42,300/71,600
KLGD TB 52 tuần (cp)	1,245,600
Tỷ lệ sở hữu của NN/Giới hạn	19.3%/100.0%
Free float	57.0%

(tỷ VND)	9Th2025	9Th2024	%Chg
Doanh thu	9,311	9,329	-0.2%
Giá vốn hàng bán	(7,757)	(8,016)	-3.2%
Lợi nhuận gộp	1,554	1,314	18.3%
Biên LNG	16.7%	14.1%	-
Chi phí SG&A	(413)	(437)	-5.4%
LNTT	1,399	1,016	37.7%
LNST- CĐTS	1,141	808	41.1%
Biên LNST	12.3%	8.7%	-

(tỷ VND)	9Th2025	2024	%YTD
Tổng tài sản	13,502	12,234	10.4%
ROA	12.5%	10.8%	-
Vốn chủ sở hữu	10,166	8,994	13.0%
ROE	17.3%	15.3%	-
D/E	0.2	0.3	-

	2024	TTM	2025F
P/E TB (lần)	VHC 10.3	8.5	8.9
	VNINDEX 12.4	14.9	13.3
P/B TB (lần)	VHC 1.5	1.4	1.2
	VNINDEX 1.6	2.0	1.6

Thông tin liên hệ

Nguyễn Hoàng Khánh Vy
 Trưởng phòng Phân tích
 vy.nguyenhoang@sbbs.com.vn
 Whatsapp/Viber: +84 923 890 815

Nguyễn Thị Hương Giang
 Giám đốc Chiến lược
 giang.nguyen@sbbs.com.vn
 WhatsApp/Viber: +84 908 148 703

Phạm Minh Tuấn
 Giám đốc Khối Môi giới
 tuan.pham@sbbs.com.vn
 WhatsApp/Viber: +84 906 178 819

LỢI NHUẬN TĂNG MẠNH NHỜ ĐA DẠNG HÓA SẢN PHẨM VÀ THU NHẬP TÀI CHÍNH, DÙ HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU GẶP THÁCH THỨC

Trong Q3/2025, VHC ghi nhận tăng trưởng lợi nhuận ấn tượng dù doanh thu chỉ tăng nhẹ. Doanh thu quý đạt 3,471 tỷ đồng (+5.9% svck), đảo chiều xu hướng giảm của hai quý trước, trong khi lợi nhuận sau thuế (LNST) đạt 455 tỷ đồng (+33.5% svck). Động lực tăng trưởng doanh thu chủ yếu đến từ mảng sản phẩm phụ và collagen & gelatin (C&G), giúp bù đắp cho mức giảm 7.9% svck của mảng cá tra còn 1,761 tỷ đồng, do nhu cầu xuất khẩu sang Mỹ và Trung Quốc suy yếu.

Lũy kế 9Th2025, VHC ghi nhận doanh thu 9,311 tỷ đồng (-0.2% svck) và LNST 1,206 tỷ đồng (+38.6% svck), thể hiện sự cải thiện rõ rệt về khả năng sinh lời nhờ (i) biên lợi nhuận gộp cải thiện, (ii) chi phí bán hàng giảm, và (iii) thu nhập tài chính ròng tăng mạnh, qua đó tiếp tục khẳng định năng lực quản lý chi phí hàng đầu trong ngành.

Cho cả năm 2025, chúng tôi điều chỉnh tăng dự báo cho VHC nhằm phản ánh kết quả lợi nhuận vượt kỳ vọng trong 9 tháng đầu năm. Doanh thu dự phóng đạt 12,473 tỷ đồng (-0.3% svck), cao hơn so với kịch bản “tốt” của ban lãnh đạo, nhờ tỷ giá USD/VND thuận lợi và cầu tiêu thụ theo mùa phục hồi trong Q4. Biên lợi nhuận gộp được điều chỉnh tăng lên 16.1% (từ 14.8%), nhờ giá xuất khẩu cá tra bình quân cao hơn so với 2024 (+3.6% theo ước tính của chúng tôi), cùng chi phí cước vận tải và thức ăn giảm, và hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho. Nhờ vậy, cùng với thu nhập tài chính tăng và quản trị chi phí hiệu quả hơn, LNST dự phóng được nâng lên 1,521 tỷ đồng (+16.8% svck), vượt mức kế hoạch của ban lãnh đạo.

Cả năm 2026, dự phóng doanh thu và LNST lần lượt đạt 13,892 tỷ đồng (+11.4% svck) và 1,609 tỷ đồng (+5.8% svck), được thúc đẩy bởi biên lợi nhuận tốt được duy trì, kiểm soát chi phí hiệu quả, và thu nhập tài chính ổn định nhờ nguồn tiền gửi lớn.

Chúng tôi điều chỉnh **giá mục tiêu 12 tháng cho cổ phiếu VHC lên 73,000 đồng/cp**, từ 66,000 đồng/cp trước đó. Với giá đóng cửa ngày 31/10/2025 ở mức 58,900 đồng/cp, mức tăng kỳ vọng là **23.9%**, chúng tôi nâng khuyến nghị từ Tăng tỷ trọng lên **MUA** đối với cổ phiếu VHC. Ngoài ra, VHC đã chi trả cổ tức tiền mặt 2,000 đồng/cp vào ngày 29/09/2025.

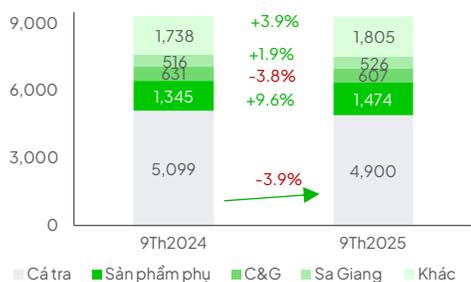
KẾT QUẢ KINH DOANH 9TH2025

KQKD Hợp Nhất

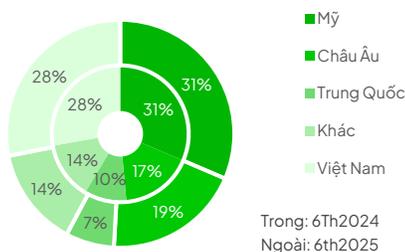
- **Doanh thu:** 9,311 tỷ đồng (-0.2% svck)
- **Lợi nhuận gộp:** 1,554 tỷ đồng (+18.3% svck)



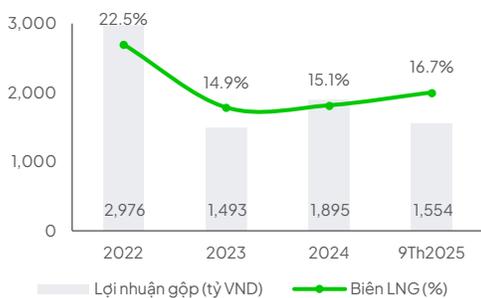
Doanh Thu Theo Sản Phẩm (tỷ VND)



Cơ Cấu Doanh Thu Theo Thị Trường



Lợi Nhuận Gộp và Biên LNG



LNST-CDTS và ROE



• **LNST: 1,206 tỷ đồng (+38.6% svck)**

Trong 9Th2025, VHC ghi nhận doanh thu 9,311 tỷ đồng (-0.2% svck) và LNST 1,206 tỷ đồng (+38.6% svck), hoàn thành 75.4% và 100.1% dự báo cả năm 2025 trước đó của chúng tôi về doanh thu và LNST, và tương ứng lần lượt 75.4% và 92.8% so với kịch bản “tốt” của ban lãnh đạo.

Doanh thu Q3/2025 giảm nhẹ một phần do hiệu ứng front-load, khi các doanh nghiệp vẫn còn tồn kho từ nửa đầu năm và nhu cầu tiêu dùng tạm thời yếu đi, nhưng dự kiến sẽ cải thiện trong Q4 khi áp lực từ vấn đề thuế quan hạ nhiệt và nhu cầu nhập khẩu toàn cầu phục hồi mạnh để phục vụ mùa lễ hội cuối năm.

Nhìn chung, dù doanh thu 9 tháng giảm nhẹ, lợi nhuận vẫn tăng mạnh nhờ thu nhập tài chính ròng tăng vọt lên 235 tỷ đồng (+116.4% svck), chủ yếu đến từ lãi chênh lệch tỷ giá ròng đạt 123 tỷ đồng, thu nhập từ kinh doanh chứng khoán, chi phí lãi vay giảm, và lãi tiền gửi cao hơn trong bối cảnh lãi suất duy trì thuận lợi. Bên cạnh đó, chi phí bán hàng giảm 18.8% svck xuống còn 186 tỷ đồng. Nhờ các yếu tố trên, LNST của VHC tăng 38.6% svck lên 1,206 tỷ đồng, vượt xa mức tăng trưởng doanh thu gần như đi ngang.

Doanh Thu Theo Sản Phẩm

- **Cá tra fillet: 4,900 tỷ đồng (-3.9% svck)**
- **Sản phẩm phụ: 1,474 tỷ đồng (+9.6% svck)**
- **Collagen & Gelatin: 607 tỷ đồng (-3.8% svck)**
- **Sa Giang: 526 tỷ đồng (+1.9% svck)**
- **Khác: 1,805 tỷ đồng (+3.9% svck)**

Doanh Thu Cá Tra

Doanh thu cốt lõi từ cá tra của VHC tiếp tục giảm trong Q3/2025, đạt 1,761 tỷ đồng (-7.9% svck), kéo doanh thu 9Th2025 còn 4,900 tỷ đồng (-3.9% svck), chiếm 52.6% tổng doanh thu, thấp hơn mức trung bình 3 năm là 58%. Mức đóng góp giảm phản ánh nhu cầu xuất khẩu suy yếu cùng với tỷ trọng doanh thu nội địa tăng. Tuy nhiên, doanh thu Q4/2025 dự kiến phục hồi nhờ cầu tiêu thụ tăng trong mùa lễ hội cuối năm.

Biên lợi nhuận gộp (LNG) của VHC thu hẹp còn 16.8% trong Q3, từ 19.8% trong Q2, chủ yếu do: (i) giá xuất khẩu bình quân giảm trong Q3 xuống còn 2.18 USD/kg, so với 2.25 USD/kg trong nửa đầu 2025, dù vẫn cao hơn mức trung bình năm 2024 là 2.14 USD/kg; (ii) giá cá giống tăng mạnh, từ 29,000–30,000 đồng/kg cuối Q2 lên mức kỷ lục 58,000–60,000 đồng/kg vào cuối tháng 9, do nguồn cung hạn chế và nhu cầu tái thả cao, làm chi phí sản xuất tăng và biên lợi nhuận bị co hẹp. Trong khi đó, giá cá tra nguyên liệu (800–900g) chỉ giảm nhẹ còn khoảng 29,000 đồng/kg.

Tổng Tài Sản và Nợ Phải Trả (tỷ VND)



Dự phóng	2024A	2025F	2026F
Doanh thu	12,513	12,473	13,892
<i>Tăng trưởng</i>	<i>24.7%</i>	<i>-0.3%</i>	<i>11.4%</i>
Cá tra	7,007	6,703	7,612
Sản phẩm phụ	1,877	1,971	2,168
C&G	751	796	904
Sa Giang	751	777	857
Khác	2,127	2,227	2,351
Giá vốn	(10,618)	(10,462)	(11,672)
Lợi nhuận gộp	1,895	2,011	2,220
<i>Biên LNG</i>	<i>15.1%</i>	<i>16.1%</i>	<i>16.0%</i>
Chi phí SG&A	(654)	(580)	(641)
LNTT	1,485	1,779	1,882
LNST	1,303	1,521	1,609
<i>Tăng trưởng</i>	<i>33.8%</i>	<i>16.8%</i>	<i>5.8%</i>
LNST-CĐTS	1,226	1,430	1,513

Dù biên lợi nhuận Q3 bị thu hẹp, biên LNG 9Th2025 vẫn cải thiện lên 16.7% (so với 14.1% cùng kỳ 2024) nhờ các yếu tố thuận lợi: (i) theo ước tính từ dữ liệu Agromonitor, sản lượng xuất khẩu cá tra của Việt Nam tăng 3.9% svck, trong khi giá trị xuất khẩu tăng 9.0% svck, phản ánh lợi thế tỷ giá khi USD/VND và EUR/VND tăng; (ii) cước vận chuyển ổn định nhờ nhu cầu vận tải giảm; (iii) chi phí nuôi trồng giảm trong nửa đầu 2025; (iv) giá xuất khẩu bình quân cao hơn năm 2024, tất cả góp phần giúp biên lợi nhuận năm tăng so với cùng kỳ.

Sản Phẩm Phụ và Khác

Ngược lại, doanh thu sản phẩm phụ tiếp tục tăng mạnh, đạt 1,474 tỷ đồng (+9.6% svck) trong 9Th2025, riêng Q3 tăng 39.6% svck lên 626 tỷ đồng, góp phần bù đắp sự suy yếu của mảng cá tra. Mảng C&G cũng hoạt động tích cực, doanh thu Q3 tăng 19.6% svck lên 208 tỷ đồng, nâng tổng 9Th2025 đạt 607 tỷ đồng (-3.8% svck).

Nhìn chung, cơ cấu sản phẩm của VHC đang dịch chuyển dần khỏi xuất khẩu cá tra sang nhóm sản phẩm phụ và hàng chế biến có biên lợi nhuận cao hơn, qua đó hỗ trợ lợi nhuận và cải thiện giá trị thu về trên mỗi tấn cá tra xuất khẩu.

Doanh Thu Theo Thị Trường

- **Mỹ:** 2,861 tỷ đồng (-1.8% svck)
- **EU:** 1,770 tỷ đồng (+11.2% svck)
- **Trung Quốc:** 627 tỷ đồng (-32.7% svck)
- **Khác:** 1,495 tỷ đồng (+14.1% svck)
- **Việt Nam:** 2,558 tỷ đồng (-0.9% svck)

Trong 9Th2025, doanh thu xuất khẩu của VHC đạt 6,753 tỷ đồng (+0.1% svck), trong khi doanh thu nội địa đạt 2,558 tỷ đồng (-0.9% svck). Tăng trưởng xuất khẩu của VHC vẫn thấp hơn mức trung bình của toàn ngành, khi tổng kim ngạch xuất khẩu cá tra của Việt Nam tăng 9% svck, đạt 1.6 tỷ USD trong cùng kỳ.

Thị trường Mỹ: Doanh thu đạt 2,861 tỷ đồng (-1.8% svck) trong 9Th2025, do các nhà nhập khẩu vẫn thận trọng trước lượng hàng tồn kho cao và cạnh tranh gay gắt từ các loại cá thịt trắng khác như cá minh thái Alaska và cá tuyết. Mặc dù thuế nhập khẩu cá tra Việt Nam vào Mỹ đã giảm từ 46% xuống còn 20%, ma sát thương mại và xu hướng thay thế tiêu dùng tiếp tục kìm hãm sản lượng nhập khẩu. Riêng trong tháng 9, giá trị xuất khẩu cá tra Việt Nam sang Mỹ giảm 23% svck.

Thị trường Trung Quốc: Doanh thu giảm mạnh còn 627 tỷ đồng (-32.7% svck), phản ánh mức độ cạnh tranh gay gắt từ các loài cá thịt trắng khác. Ví

dự, Trung Quốc, là nhà sản xuất cá rô phi lớn nhất thế giới, hiện đang chịu mức thuế nhập khẩu lên tới 150% từ Mỹ, khiến xuất khẩu cá rô phi gần như tê liệt. Hệ quả là nguồn cung cá nội địa dồi dào, làm gia tăng cạnh tranh trong nước và làm giảm nhu cầu nhập khẩu cá tra.

Thị trường EU: Doanh thu tăng lên 1,770 tỷ đồng (+11.2% svck), được thúc đẩy bởi nhu cầu cao hơn đối với cá tra chế biến và sản phẩm giá trị gia tăng, khi người tiêu dùng châu Âu tiếp tục chuyển dịch từ các loại cá thịt trắng đắt đỏ như cá tuyết và cá minh thái, vốn vẫn duy trì mức giá cao.

Các thị trường khác: Tương tự xu hướng toàn ngành, VHC ghi nhận tăng trưởng mạnh tại các thị trường ngoài lõi, với doanh thu 9Th2025 đạt 1,495 tỷ đồng (+14.1% svck). Diễn biến này cho thấy VHC đang chủ động đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, giảm phụ thuộc vào các thị trường lớn như Mỹ và Trung Quốc, qua đó ổn định doanh thu và giảm rủi ro tập trung.

ĐỊNH GIÁ VÀ KHUYẾN NGHỊ

Chúng tôi điều chỉnh dự phóng cho VHC năm FY2025, phản ánh kết quả lợi nhuận vượt kỳ vọng trong 9Th2025. Dự báo doanh thu được nâng nhẹ so với cập nhật trước, chủ yếu nhờ tỷ giá USD/VND thuận lợi, giúp doanh thu xuất khẩu quy đổi tăng. Cho FY2026, chúng tôi nâng các dự phóng dựa trên kỳ vọng biên lợi nhuận cải thiện khi VHC tiếp tục kiểm soát chi phí hiệu quả và duy trì thu nhập tài chính mạnh nhờ nguồn tiền gửi dồi dào.

Các thay đổi chính trong giả định bao gồm:

- Doanh thu:** Chúng tôi dự phóng FY2025 đạt 12,473 tỷ đồng (-0.3% svck), cao hơn nhẹ so với kịch bản tốt của ban lãnh đạo (12,350 tỷ đồng). Dự kiến doanh số Q4/2025 sẽ tăng nhờ nhu cầu tiêu thụ cuối năm và tái nhập hàng cho mùa Tết 2026. Cho FY2026, doanh thu dự phóng 13,892 tỷ đồng (+11.4% svck), được hỗ trợ bởi doanh thu cá tra 7,612 tỷ đồng (+13.6% svck) và doanh thu xuất khẩu tăng 11.8% svck lên 10,044 tỷ đồng. Tỷ trọng đóng góp của các thị trường ngoài lõi dự kiến tăng từ 14% lên 16% tổng doanh thu, giúp bù đắp nhu cầu yếu từ Trung Quốc và rủi ro thuế tại Mỹ.
- Chi phí và Biên lợi nhuận:** Cuối năm, giá cá giống dự kiến tiếp tục neo cao, do nguồn cung hạn chế và tỷ lệ hao hụt cá bột cao, có thể gây áp lực lên biên lợi nhuận. Biên lợi nhuận gộp FY2025 dự phóng đạt 16.1%, thấp hơn nhẹ so với Q2 và Q3/2025 nhưng vẫn cao hơn mức 15.1% của FY2024. VHC được kỳ vọng duy trì biên lợi nhuận quanh 16% trong FY2026 nhờ quản trị chi phí chặt chẽ.
- Lợi nhuận:** Chúng tôi nâng dự phóng LNST FY2025 lên 1,521 tỷ đồng (+16.8% svck), so với 1,205 tỷ đồng trước đó, do VHC đã đạt 1,206 tỷ đồng trong 9Th2025. Mức này vượt kế hoạch tốt của ban lãnh đạo

(1,300 tỷ đồng), nhờ biên lợi nhuận gộp cải thiện (từ 14.8% lên 16.1%), thu nhập tài chính mạnh hơn, và chi phí bán hàng giảm. Cho FY2026, LNST dự phóng đạt 1,609 tỷ đồng (+5.8% svck), với tốc độ tăng chậm hơn do nền lợi nhuận cao năm 2025 và thu nhập tài chính kỳ vọng trở lại mức bình thường sau giai đoạn tăng mạnh.

Sau khi kết hợp dự phóng 2026 và cập nhật định giá, chúng tôi điều chỉnh giá mục tiêu **12 tháng cho VHC lên 73,000 đồng/cp**, từ 66,000 đồng/cp trước đó. Với giá đóng cửa ngày 31/10/2025 là 58,900 đồng/cp, **mức tăng tiềm năng đạt 23.9%**, do đó chúng tôi nâng khuyến nghị từ Tăng tỷ trọng lên **MUA** đối với cổ phiếu VHC.

Phụ lục: Báo Cáo Tài Chính

Báo cáo thu nhập (tỷ VND)	9Th2024	9Th2025	2025F	2026F	2027F	2028F
Tổng doanh thu	9,329	9,311	12,473	13,892	15,578	17,300
COGS	(8,016)	(7,757)	(10,462)	(11,672)	(13,078)	(14,517)
Lợi nhuận gộp	1,314	1,554	2,011	2,220	2,500	2,783
Thu nhập tài chính ròng	108	235	315	254	234	220
Lãi/lỗ của công ty liên kết	1.7	3.7	4.7	5.3	5.9	6.5
Chi phí SG&A	(437)	(413)	(580)	(641)	(710)	(806)
Doanh thu từ HĐKD	987	1,379	1,751	1,839	2,029	2,203
Thu nhập/chi phí khác	29	20	28	44	45	44
LNTT	1,016	1,399	1,779	1,882	2,074	2,247
Thuế TNDN	(146)	(193)	(258)	(273)	(301)	(326)
LNST	870	1,206	1,521	1,609	1,774	1,922
LNST-CDTS	808	1,141	1,430	1,513	1,667	1,806

Bảng cân đối kế toán (tỷ VND)	2023	2024	2025F	2026F	2027F	2028F
TỔNG TÀI SẢN	11,943	12,234	13,632	15,452	17,595	19,955
Tài sản ngắn hạn	7,888	8,238	8,864	10,961	13,368	15,989
Tiền và các khoản tương đương tiền	233	570	992	2,444	3,750	5,232
Đầu tư ngắn hạn	2,069	2,340	2,495	2,590	2,904	3,225
Các khoản phải thu ngắn hạn	1,578	2,201	2,131	2,393	2,731	3,087
Hàng tồn kho	3,763	2,915	3,012	3,279	3,696	4,128
Tài sản ngắn hạn khác	245	213	235	256	287	318
Tài sản dài hạn	4,054	3,996	4,768	4,491	4,227	3,966

TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	3,351	3,241	3,153	3,413	3,831	4,328
Nợ ngắn hạn	3,233	3,184	3,097	3,352	3,764	4,253
Trong đó: Các khoản vay ngắn hạn	2,157	2,277	2,058	2,292	2,586	2,889
Nợ dài hạn	119	57	55	61	67	76
VỐN CHỦ SỞ HỮU	8,591	8,994	10,479	12,040	13,764	15,627
Vốn góp của chủ sở hữu	1,870	2,245	2,245	2,245	2,245	2,245
Vốn chủ sở hữu khác	264	264	264	264	264	264
Lợi nhuận chưa phân phối	6,213	6,168	7,564	9,076	10,743	12,550
Lợi ích không kiểm soát	244	318	408	455	513	569
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VCSH	11,943	12,234	13,632	15,452	17,595	19,955

XÁC NHẬN CỦA CHUYÊN VIÊN PHÂN TÍCH

(Các) chuyên viên phân tích nghiên cứu trong báo cáo này xác nhận rằng (1) các quan điểm trình bày trong báo cáo nghiên cứu này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân của họ về chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) (các) chuyên viên phân tích nghiên cứu không nhận bất kỳ khoản tiền thưởng, hay lợi ích khác, liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến khuyến nghị hoặc quan điểm cụ thể có trong báo cáo nghiên cứu này.

XẾP LOẠI KHUYẾN NGHỊ

Trong vòng 12 tháng kể từ ngày lập báo cáo, SBBS Research xếp loại cổ phiếu ở mức MUA, TĂNG TỶ TRỌNG, GIỮ hoặc BÁN, được xác định dựa trên lợi nhuận kỳ vọng của cổ phiếu so với tỷ lệ lợi nhuận tối thiểu của thị trường là 15% (*).

- Khuyến nghị MUA được đưa ra khi cổ phiếu được kỳ vọng mang lại lợi nhuận tuyệt đối từ 15% trở lên.
- Khuyến nghị TĂNG TỶ TRỌNG được đưa ra khi cổ phiếu được kỳ vọng mang lại lợi nhuận tuyệt đối từ 10% đến 15%.
- Khuyến nghị GIỮ được đưa ra khi cổ phiếu dự kiến mang lại lợi nhuận từ -9% đến 10%.
- Khuyến nghị BÁN được đưa ra khi cổ phiếu dự kiến mang lại lợi nhuận dưới hoặc bằng -9%.

Ngoài ra, SBBS Research cũng đưa ra khuyến nghị ngắn hạn nếu giá cổ phiếu dự kiến tăng/giảm trong vòng ba tháng do một sự kiện hoặc chất xúc tác đặc biệt nào đó. Khuyến nghị ngắn hạn có thể khác với khuyến nghị 12 tháng. Xếp loại dành cho ngành như sau:

- Cao: Kết quả hoạt động của ngành trong 6-12 tháng tới kỳ vọng sẽ hấp dẫn hơn so với thị trường chung.
- Trung lập: Kết quả hoạt động của ngành trong 6-12 tháng tới được kỳ vọng sẽ phù hợp với thị trường chung.
- Thấp: Kết quả hoạt động của ngành trong 6-12 tháng tới được kỳ vọng sẽ trở nên thận trọng hay kém hơn so với thị trường chung.

(**Tỷ suất lợi nhuận tối thiểu của thị trường được tính dựa trên lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam kỳ hạn 5 năm và phần bù rủi ro thị trường thu được từ việc sử dụng phương pháp Độ lệch chuẩn thị trường vốn cổ phần tương đối. Các mức xếp loại khuyến nghị của chúng tôi có thể thay đổi tại thời điểm có bất kỳ thay đổi đáng kể nào trong hai thành phần trên.*

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Thông tin, báo cáo, dự báo và khuyến nghị trong tài liệu này, bao gồm mọi ý kiến và luồng phân tích, đều dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy nhưng tính chính xác và đầy đủ của chúng không được đảm bảo. Các ý kiến được nêu trong tài liệu này được đưa ra sau khi xem xét kỹ lưỡng và chúng dựa trên thông tin tốt nhất mà chúng tôi biết và theo ý kiến của chúng tôi là công bằng và hợp lý trong các trường hợp phổ biến vào thời điểm đó và sẽ không bao gồm thông tin nhạy cảm về giá hoặc thông tin chưa được công bố trong báo cáo.

Các quan điểm và khuyến nghị trong tài liệu này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Tài liệu này không phải và không được hiểu là một lời đề nghị hoặc lời mời chào mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào.

SBBS và các công ty khác trong SBBS và/hoặc cán bộ, giám đốc và nhân viên của họ có thể nắm giữ các khoản đầu tư vào chứng khoán và có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập ở đây và cũng có thể đang hoặc mong muốn cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty này.

Tài liệu này chỉ được lưu hành riêng tư và không được công bố trên báo chí hoặc nơi khác. SBBS không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hậu quả nào phát sinh từ việc sử dụng tài liệu này hoặc nội dung của nó. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố dự báo và dự báo nào trong tài liệu này sẽ do người dùng tự quyết định và chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Nguyễn Hoàng Khánh Vy (Ms.)

Trưởng phòng Phân tích
vy.nguyenhoang@sbbs.com.vn
(+84) 92 389 0815

Nguyễn Thị Hương Giang (Mrs.)

Giám đốc Chiến lược
giang.nguyen@sbbs.com.vn
(+84) 90 814 8703

Phạm Minh Tuấn (Mr.)

Giám đốc Khối Môi giới
tuan.pham@sbbs.com.vn
(+84) 90 617 8819

TRUY CẬP



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SBB

A: Lầu 9, Tòa nhà Savico Invest, 66-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp.HCM

T: (+84)28 3914 3399 E: Research@sbbs.com.vn W: sbbs.com.vn

Trang | 7